

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2023
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thùy L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu X, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện xuất cảnh đi Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L nộp án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Đặng Tiến K, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu K, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Khu X, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Tiến K, sinh năm 1972 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu X, xã B P, huyện P N, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông Phạm Hữu G, sinh năm 1965 và bà Tạ Thị Minh T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu X, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L, ông K, bà H, ông G, bà T đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thùy L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Hữu K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 26/5/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh K ghen tuông vô cớ. Hai anh chị không liên lạc với nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017. Sau ly hôn chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L, còn cháu Phạm Thủy T giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Trong thời gian anh, chị ở nước ngoài thì tạm giao cháu L cho ông bà ngoại của cháu là ông K, bà H thay mặt chị chăm sóc nuôi dưỡng, tạm giao cháu T cho ông bà nội của cháu là ông G, bà T thay mặt anh K chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn: Anh Phạm Hữu K hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 13740/QLXNC-P5 ngày 05/6/2023 và Danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 05/6/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh K xuất cảnh lần gần nhất ngày 11/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị L không biết địa chỉ của anh K ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Hữu G và bà Tạ Thị Minh T (Là bố, mẹ đẻ anh K) và được ông G và bà T cung cấp như sau: Hiện tại anh K đang ở Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể ông, bà không biết. Gia đình và anh K vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, ông G và bà T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh K và yêu cầu ông, bà cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài, ông, bà đã thông báo cho anh K biết xong anh K không cung cấp địa chỉ cho ông, bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại ông, bà đã trao đổi nội dung chị L xin ly hôn anh K và anh K nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Ông G và bà T xác định chị L và anh K có hai con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017. Anh K có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm

Thủy T. Trong thời gian anh K ở nước ngoài thì tạm giao cho ông G và bà T thay mặt anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Ông G và bà T nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T sau khi chị L và anh K ly hôn. Sau khi anh K về nước thì ông, bà có trách nhiệm giao cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông, bà không đề nghị chị L, anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng ông, bà trong thời gian anh chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của chị L và anh K ông G và bà T không có ý kiến và không có đề nghị gì liên quan đến quyền lợi của mình.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tiến K và bà Vũ Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Thùy L và Anh Phạm Hữu K đã có nhiều mâu thuẫn ông bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị L và anh K không thể hàn gắn được còn việc ly hôn là quyền của chị L, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung của chị L và anh K: Anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Khánh L, còn anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Trong thời gian chị L lao động ở nước ngoài thì tạm giao cho ông, bà thay mặt chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, khi nào chị L về nước ông, bà có nghĩa vụ giao cháu L cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K, bà H không yêu cầu chị L và anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

**Cháu Phạm Khánh L trình bày:* Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

- Cho chị Đặng Thị Thuỳ Linh được ly hôn Anh Phạm Hữu K.
- Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 9/12/2015 cho chị L

nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017 cho anh K nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian anh K và chị L ở nước ngoài, tạm giao cháu L cho ông Đặng Tiến K và bà Vũ Thị H (là bố mẹ đẻ chị L) ở khu 3, xã B P, huyện P N, Phú Thọ nuôi dưỡng chăm sóc; Tạm giao cháu T cho ông Phạm Hữu G và bà Tạ Thị Minh T (là bố mẹ đẻ anh K) ở Khu X, xã C X, huyện L T, Phú Thọ nuôi dưỡng chăm sóc, khi nào chị L và anh K về nước sẽ giao lại các cháu cho anh chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không giải quyết.
- Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Phạm Hữu K đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 13740/QLXNC-P5 ngày 05/6/2023 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 05/6/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh K xuất cảnh lần gần nhất ngày 11/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này chị L, anh K không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L khởi kiện xin ly hôn với anh K nhưng chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh K mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Tòa án đã thông qua thân nhân của anh K là ông Phạm Hữu G và bà Tạ Thị Minh T (Bố, mẹ đẻ anh K) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh K tại nước ngoài, bản thân anh K không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được ông G, bà T thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị L, ông K, bà H, ông G và bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 26/5/2015. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Mặc dù anh K không có lời khai xong thông qua ông G, bà T là bố, mẹ đẻ anh K cung cấp quan điểm của anh K cũng nhất trí ly hôn với chị L. Do vậy, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị L được ly hôn anh K là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L và anh K có hai con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L, cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thủy T, trong thời gian anh, chị ở nước ngoài chị L nhất trí để ông K, bà H thay chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi chị về nước đón cháu. Trong thời gian anh K ở nước ngoài, tạm giao cháu T cho ông G, bà T thay mặt anh K nuôi dưỡng cháu T cho đến khi anh K về nước đón cháu. Phía ông K, bà H cũng nhất trí quan điểm của chị L. Ông G, bà T cung cấp thông tin phía anh K cũng đồng ý quan điểm về việc nuôi con chung như trên. Ông K, bà H, ông G và bà T đồng ý sẽ tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian bố mẹ các cháu ở nước ngoài và tự nguyện không yêu cầu chị L, anh K phải cấp dưỡng nuôi dưỡng các cháu cùng ông, bà.

Xét thấy: Nguyên vọng của chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L, anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thủy T là nguyện vọng chính đáng của người làm cha mẹ. Hiện nay ông K, bà H đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, ông G, bà T đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cháu, không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu cả về thể chất và tinh thần, cần giao cháu Phạm Khánh L cho chị L, cháu Phạm Thủy T cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Trong thời gian chị L, anh K ở nước ngoài tạm giao cháu L cho ông K, bà H nuôi dưỡng, tạm giao cháu T cho ông G, bà T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và quy định của pháp luật. Khi nào chị L, anh K về nước các

ông, bà có trách nhiệm giao lại cháu L cho chị L, cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị L và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau do không bên nào yêu cầu.

Xác nhận sự tự nguyện của ông K, bà H, ông G và bà T không yêu cầu chị L, anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu T trong thời gian ông bà được tạm giao nuôi dưỡng các cháu.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L, anh K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thùy L được ly hôn Anh Phạm Hữu K.

[2] Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Thùy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/12/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động.

Giao cho Anh Phạm Hữu K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 24/10/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động.

Trong thời gian chị L ở nước ngoài, tạm giao cháu Phạm Khánh L cho ông Đặng Tiến K và bà Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị L về nước đón cháu.

Trong thời gian anh K ở nước ngoài, tạm giao cháu Phạm Thủy T cho ông Phạm Hữu G và bà Tạ Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi anh K về nước đón cháu.

Chị L và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị L, anh K không phải cấp dưỡng nuôi cháu L, cháu T cùng ông K và bà H, ông G và bà T vì các ông bà tự nguyện không yêu cầu.

Chị L và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000551 ngày 04/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã C X, huyện L T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng